TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 98 /2023/HNGĐ-ST
Ngày 27 / 09 /2023
"V/v Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Xuyến
Các Hội thẩm nhân dân:
[1] Bà Lê Thị Thận;
[2] Ông Trần Đức Hòa ;
Thư ký phiên tòa: bà Mai Thị Chang - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: Bà Đàm Thị Thủy – Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 09 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, thụ lý số 88/ TLST – HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn", Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42 /2023/QĐST – HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Lê M T; sinh năm 1959 (có mặt)
Địa chỉ : Thôn 4, xã P , huyện B, tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: Bà Trần T B H; sinh năm 1965 (vắng mặt).
Địa chỉ : Thôn 4 , xã P , huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 18/04/2023 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn trình bày:

Tôi và bà Trần T B H tự nguyện chung sống với nhau từ năm và đến ngày 16/08/2004 mới đăng ký kết hôn tại UBND xã Phước Sơn, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước số 33, quá trình chung sống đến năm 2008 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hòa hợp với nhau về kinh tế gia đình, sau đó bà Hải bỏ nhà đi cho đến nay, nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn.
Về con chung: Lê C B , sn 1994 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Lê Thị Th D, sn 2007 ; ông Lê M T nhận nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.
Về tài sản chung, không có.

Nợ chung: không có, không yêu cầu.

Bị đơn bà Trần T B H mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa, phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Toà án: ông Lê M T có đăng ký kết hôn với bà Trần T B H, nay ông Thanh xin ly hôn, vì vậy quan hệ pháp luật là " Tranh chấp ly hôn", theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân thấy rằng ông Lê M T và bà Trần T B H tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn, như vậy quan hệ hôn nhân giữa ông Lê M T và bà Trần T B H là hợp pháp.

Xét mâu thuẫn gia đình: Quá trình sống chung, ông Thanh cho rằng vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không mang lại hạnh phúc gia đình và bà Hải đã bỏ nhà đi từ nhiều năm nay. Bị đơn bà Trần T B H mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Như vậy mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê M T được ly hôn với bà Trần T B H.

[4]. Về con chung: Lê C B , sn 1994 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết; Lê Thị Th D, sn 26/04/2007; ông Lê M T nhận nuôi con, vì hiện nay ông đang nuôi dưỡng. Xét thấy bà Trần T B H hiện nay đã bỏ nhà đi khỏi địa phương vì vậy cần giao cháu Lê Thị Th D, sn 26/04/2007 cho ông Lê M T chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[6]Về án phí: ông Lê M T được miễn nộp án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm vì người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, ông Lê M T được ly hôn với bà Trần T B H.

[2]. Về con chung : Lê C B , sn 1994 đã thành niên, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Giao cháu Lê Thị Th D, sn 26/04/2007 cho ông Lê M T chăm sóc nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của đương sự đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng : Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không xem xét.

[4].Về án phí: Ông Lê M T được miễn nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Nguyên đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bù Đăng, ngày 07 tháng 02 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 14 giờ 30 phút, ngày 07 tháng 02 năm 2023. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyến

[1] Bà Lê Thị Thận;

[2] Ông Trần Đức Hòa;

Tiến hành nghị án đối với vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 139 /2022/ TLST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn", Theo Quyết định

đưa vụ án ra xét xử số 80 /2022/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:
Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Thùy Trang; sinh năm 1989 (vắng mặt)
Địa chỉ : Thôn 4 , xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước.
Bị đơn: anh Nguyễn Đắc An; sinh năm 1987 (vắng mặt)
Địa chỉ : Thôn 4 , xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng , tỉnh Bình Phước.
Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, và quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/NQ- UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Toà án;
[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Thùy Trang được ly hôn với anh Nguyễn Đắc An. (Biểu quyết 3/3)

[2] Về con chung , giao cháu Nguyễn Hoàng Khang, sinh ngày 01/03/ 2016; Nguyễn Hoàng Bích Huyền, sinh ngày 18/4/2018 cho chị Nguyễn Thị Thùy Trang chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. (Biểu quyết 3/3)

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom hoặc cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật. Quyền của anh chị đối với con chung được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.
Về cấp dưỡng: Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng. (Biểu quyết 3/3)
[3]Tài sản chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. (Biểu quyết 3/3)

[4] Nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.
(Biểu quyết 3/3)
[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị Thùy Trang nộp số tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm là 300.000đ, tuy nhiên khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp

300.000đ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000526 ngày 01/7/2022(đã nộp xong). (Biểu quyết 3/3)

Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú. (Biểu quyết 3/3)

Biên bản nghị án kết thúc vào hồi 14 giờ 40 phút cùng ngày, đã đọc lại các thành viên trong Hội đồng xét xử nghe và ký tên.

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND H.Bù Đăng;
- Chi cục THADS H. Bù Đăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyến